TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 17/01/2020.
" V/v tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Cẩm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đặng Văn Hai.

Ông: Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thái Vân An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lai Vung, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 291/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019, "V/v tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 810/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/12/2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Võ Thị Minh T, sinh năm 1989

Địa chỉ: 317/3, Nguyễn Sinh Sắc, Khóm 2, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Bị đơn: Phan Quốc Th, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 127/4, ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/8/2019; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp và tại phiên tòa nguyên đơn Võ Thị Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2011 chị và anh Th có tìm hiểu với nhau trước khi kết hôn, đến năm 2012 tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân Phường 2, thành phố S tỉnh Đồng Tháp vào ngày 15/3/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chị T và anh Th sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phan Quốc Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 01 người con chung tên Phan Quốc T , sinh ngày 03/01/2014, hiện cháu T đang sống với chị. Chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh Phan Quốc Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định, cấp dưỡng đến khi cháu Thái đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn Phan Quốc Th đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Minh T yêu cầu được ly hôn với anh Phan Quốc Th, yêu cầu được nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung. Các yêu cầu khởi kiện của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn Phan Quốc Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh Th cố tình vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa nguyên đơn cũng thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn, theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào kết quả thẩm vấn công khai đối với nguyên đơn tại phiên tòa, trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, đồng thời xem xét tình trạng hôn nhân giữa các đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

Về hôn nhân: Chị T và anh Th kết hôn vào năm 2012, đến ngày 15/3/2012 có đăng ký kết hôn tại Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, tuy nhiên quá trình chung sống

giữa chị T và anh Th phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 và đã ly thân với nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh Th là trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Về con chung và cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị T đang nuôi cháu Phan Quốc T , sinh ngày 03/01/2014 và tại phiên tòa chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định, cấp dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp có cơ sở, bởi vì chị T trực tiếp nuôi con, còn anh Th không trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử buộc anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thái là phù hợp với Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó".

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn Phan Quốc Th kể từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Toà án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo luật định nhưng anh Th cố tình vắng mặt và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ hay có văn bản phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn. Điều đó thể hiện bị đơn đã tự từ bỏ quyền phản bác, từ bỏ nghĩa vụ chứng minh về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Chị Võ Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Anh Phan Quốc Th phải chịu án phí dân sự sở thẩm về cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Minh T được ly hôn với anh Phan Quốc Th.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Chị Võ Thị Minh T được quyền tiếp tục nuôi cháu Phan Quốc T , sinh ngày 03/01/2014. Anh Phan Quốc Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định (tại thời điểm cấp dưỡng), cho đến khi cháu Phan Quốc T đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng ngày 17/01/2020.

Chị Võ Thị Minh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Phan Quốc Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí và tạm ứng án phí:

3.1. Chị Võ Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai số: 0001775, ngày 28/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Anh Phan Quốc Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (17/01/2020). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa ngày 17/01/2020 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận

được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Cẩm Hồng